

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn
Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của
Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn kỳ 2019 - 2023
(Tiếp theo Công báo số 10+11)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh mục

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

A. DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN KỲ 2019 - 2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
I.1. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
1.	Nghị quyết	Số 55/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Kạn	- Điểm c khoản 1 Điều 7; - Điểm b khoản 1 Điều 10.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 sửa đổi, bổ sung Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	01/01/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
2.	Nghị quyết	Số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 3; - Khoản 1, khoản 3 Điều 4; - Điểm a khoản 1 Điều 5; - Điểm a, b khoản 1 Điều 6; - Khoản 1 Điều 7; - Điều 8; - Điểm a khoản 2 Điều 9; - Khoản 1 Điều 15; - Điều 20. 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 17/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	28/10/2022
3.	Nghị quyết	Số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm b khoản 2 Điều 1; - Khoản 2 Điều 3; - Khoản 8 Điều 3; - Điều 6. 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước do ngân sách địa phương đảm bảo ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	11/8/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
4.	Nghị quyết	Số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm d khoản 1 Điều 5; - Khoản 3 Điều 8; - Khoản 3 Điều 9; - Khoản 3 Điều 10. 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	06/5/2023
5.	Nghị quyết	Số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Các Điều: 14, 21.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	11/8/2023
			Điều 15.	Bãi bỏ bởi Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 bãi bỏ Điều 15 của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	06/5/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
6.	Nghị quyết	Số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 ban hành Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025	Các Điều: 3, 5, 7.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	02/11/2023
7.	Quyết định	Số 29/2015/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực giá thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	- Điều 3; - Khoản 2 Điều 4; - Điều 5; - Điều 6.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực giá thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	07/01/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
8.	Quyết định	Số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 về việc ban hành Quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Khoản 2, khoản 3 Điều 4; - Điều 5.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu và thời hạn xác định, nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh	31/10/2021
9.	Quyết định	Số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Điểm 1.1 khoản 1 Điều 1.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 sửa đổi Điều 1 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	05/11/2022

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
10.	Quyết định	Số 49/2018/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực giá thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	Khoản 5 Điều 1.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung về thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	03/12/2022
I.2. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ					
11.	Nghị quyết	Số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)	Điều 1.	Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/4/2018 điều chỉnh, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)	29/4/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
12.	Nghị quyết	Số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Tiêu chí “diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý” tại điểm b khoản 1 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 9; Điều 15a; gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 16.	Được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	19/12/2022
			- Điểm b khoản 1 Điều 9; - Khoản 2, khoản 4 Điều 11; - Khoản 2 Điều 13; gạch đầu dòng thứ nhất Điều 15; - Gạch đầu dòng thứ nhất khoản 1 Điều 16; - Gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 16; - Gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Điều 16.	Được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	01/01/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 6; - Gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 2 Điều 9; - Điểm a khoản 2 Điều 16. 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	02/11/2023
13.	Nghị quyết	Số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí số 2, điểm b, khoản 1, Điều 9; - Khoản 3 Điều 9; - Điểm a khoản 1 Điều 11. 	Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
			Điểm b khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 9.	Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Gạch đầu dòng thứ hai, điểm b khoản 1 Điều 9.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
14.	Quyết định	Số 46/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó trưởng phòng thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn	- Điều 1; - Tên gọi của Quy định; Điều 1; khoản 1 Điều 2; điểm b khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 3; tên Điều, điểm c khoản 1, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 4; tên Điều, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 5; Điều 6; khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó trưởng phòng thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn	15/6/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
15.	Quyết định	Số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Khoản 5 Điều 7; - Điểm b khoản 2 Điều 8; - Điểm b khoản 1 Điều 9.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	20/6/2023
16.	Quyết định	Số 14/2023/QĐ-UBND ngày 10/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ ngày 31/8/2022 ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Khoản 3 Điều 1.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	10/01/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.3. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
17.	Quyết định	Số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 1; Điều 3; các khoản 1, 2, 3, 4, 7 Điều 5; Điều 7; các khoản 1, 2 Điều 11; Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 2 Điều 19; khoản 4 Điều 20; Điều 22; - Các cụm từ: “Thành lập hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành” tại mục 1 Chương II; “Thành lập các hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành, tổ chuyên gia cấp tỉnh” tại Điều 5; “các tiểu ban chuyên môn của hội đồng” tại khoản 2 Điều 9; “Hội đồng chuyên ngành xác định nhiệm vụ” tại khoản 3 Điều 11; “Hội đồng chuyên ngành” tại khoản 2 Điều 13; “Tổ chức quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ” tại mục 4 Chương II; “thành 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	29/7/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>lập Hội đồng chuyên ngành đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” tại khoản 2 Điều 21; “Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 21; “do Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành xét duyệt tư vấn đề nghị” tại khoản 1 Điều 25; “Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành” tại khoản 3 Điều 29.</p>		
18.	Quyết định	Số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng 2 khoản 1 Điều 7; - Điểm a khoản 2 Điều 7; - Các khoản 5, 6, 9 Điều 7; - Bảng 3 điểm a khoản 1 Điều 9; - Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 13; - Bãi bỏ nội dung thứ tự thứ 5 Bảng 3 điểm a khoản 1 Điều 9 Quy định. 	Được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	29/11/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.4. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
19.	Nghị quyết	Số 18/2007/NQ-HĐND ngày 29/10/2007 về Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Mục 3.2. Quy hoạch thăm dò khoáng sản; - Điểm 3.3.1. Quy hoạch khai thác khoáng sản chì kẽm giai đoạn 2007 - 2020; - Điểm 3.3.2. Quy hoạch khai thác khoáng sản sắt giai đoạn 2007 - 2020; - Điểm 3.3.3. Quy hoạch khai thác khoáng sản vàng giai đoạn 2007 - 2020; - Điểm 3.3.4. Quy hoạch khai thác khoáng sản đồng, antimon giai đoạn 2007 - 2020; - Điểm 3.3.6. Quy hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường giai đoạn 2007 - 2020; - Bảng thống kê các điểm quặng chì - kẽm dự trữ của tỉnh (Bảng số 7). 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 21/2008/NQ-HĐND ngày 15/12/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2020 quy định tại Nghị quyết số 18/2007/NQ-HĐND ngày 29/10/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	22/12/2008

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
20.	Quyết định	Số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 Quy định một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý nhà nước về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Điều 7; bãi bỏ Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 24.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	06/01/2018
			Điều 11.	Bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 ban hành Quy định một số nội dung cụ thể thực hiện Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ	02/9/2021
21.	Quyết định	Số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 về ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Các Điều 4, 11, 14, 18, 22, 25.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	06/01/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất tại Điều 17.	Bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 ban hành Quy định một số nội dung cụ thể thực hiện Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ	02/9/2021
			Các Điều: 23, 24, 26.	Bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	24/10/2023
22.	Quyết định	Số 27/2016/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; trưởng, phó phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	- Khoản 6 Điều 4; - Điểm e Điều 5.	Sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; trưởng, phó phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	10/12/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
23.	Quyết định	Số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	Khoản 4 Điều 2.	Sửa đổi bởi Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc sửa đổi khoản 4 Điều 2 Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	06/01/2020
			Khoản 6 Điều 2.	Bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	24/10/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
24.	Quyết định	Số 49/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về ban hành Quy định một số nội dung cụ thể Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ	Quy định về điều kiện tách thửa đất nông nghiệp tại Điều 3.	Bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 ban hành Quy định một số nội dung cụ thể thực hiện Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ	02/9/2021
25.	Quyết định	Số 50/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 ban hành Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Điều 3.	Bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/5/2018 về việc bãi bỏ Điều 3 Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	31/5/2018
			Chương III.	Bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	27/7/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
26.	Quyết định	Số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Các Điều 10, 11, 12, 14, 17, 19; - Bãi bỏ nội dung liên quan đến xả nước thải vào nguồn nước.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh	23/6/2023
I.5. LĨNH VỰC GIAO THÔNG					
27.	Quyết định	Số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 ban hành Quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Khoản 2, khoản 3 Điều 5; - Khoản 2 Điều 9.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND tỉnh ngày 15/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	07/4/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.6. LĨNH VỰC XÂY DỰNG					
28.	Nghị quyết	Số 20/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 Quy định về định mức và nội dung chi phí quản lý dự án của Ban Quản lý xã đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020	Khoản 1 Điều 1.	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định định mức và nội dung chi phí quản lý dự án của Ban Quản lý xã đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2015 - 2020	27/7/2020
29.	Quyết định	Số 1569/2010/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 ban hành Quy định về quản lý, sử dụng vỉa hè, lòng đường, bảo vệ mỹ quan và trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Khoản 2 Điều 1; - Điều 4; - Khoản 1 Điều 5; - Các Điều 6, 8, 11, 13, 14; - Khoản 4 Điều 15; - Các Điều 16, 19; - Khoản 4 Điều 20; - Khoản 3 Điều 22; - Điều 23, Điều 24.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1569/2010/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về Quản lý, sử dụng vỉa hè, lòng đường, bảo vệ mỹ quan và trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	06/4/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
30.	Quyết định	Số 817/2012/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 ban hành Quy định về hoạt động sản xuất gạch, ngói thủ công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Điều 11.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 817/2012/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về hoạt động sản xuất gạch, ngói thủ công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	25/8/2017
31.	Quyết định	Số 22/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 ban hành Quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Khoản 1 Điều 21; - Điểm e khoản 1 Điều 22; - Điểm c khoản 3 Điều 22; - Khoản 2 Điều 23; - Các Điều: 8, 9, 10, 11.	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung bởi Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Quy định một số nội dung về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	05/01/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
32.	Quyết định	Số 21/2016/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó của các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng; cấp trưởng, cấp phó của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm g khoản 1 Điều 4; - Điểm b khoản 2 Điều 4. 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó của các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng; cấp trưởng, cấp phó của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	29/11/2018
33.	Quyết định	Số 01/2017/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Các Điều 8, 9, 10, 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Bị bãi bỏ tại Điều 2 Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Quy định một số nội dung về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	05/01/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
34.	Quyết định	Số 53/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 ban hành Quy định xác định và quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Cụm từ “dịch vụ công ích đô thị”, khoản 2, Điều 7, Điều 8, khoản 4, Điều 12, tiêu đề Điều 11, khoản 4, Điều 11, Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định xác định và quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 53/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	22/01/2021
35.	Quyết định	Số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Điểm đ khoản 1 Điều 7.	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 7 quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	10/11/2023
I.7. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG					
36.	Quyết định	Số 20/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 ban hành Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Điều 2.	Hết hiệu lực theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	25/9/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
37.	Quyết định	Số 22/2019/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Điểm c, khoản 1, Điều 1. - Nội dung “Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thực hiện việc xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm” tại điểm b, khoản 2, Điều 1.	Hết hiệu lực theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	19/11/2020
I.8. LĨNH VỰC NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
38.	Nghị quyết	Số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 ban hành Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Điều 1; - Khoản 2 Điều 4; - Khoản 2 Điều 6	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	11/8/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
39.	Quyết định	Số 1949/2003/QĐ-UB ngày 17/9/2003 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan	Điều 7, Điều 8.	Hết hiệu lực theo Quyết định số 463/2011/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan ban hành kèm theo Quyết định số 1949/2003/QĐ-UB ngày 17/9/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	07/4/2011
40.	Quyết định	Số 463/2011/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan ban hành kèm theo Quyết định số 1949/2003/QĐ-UB ngày 17/9/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	Khoản 2 Điều 1.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 về việc sửa đổi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 463/2011/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng quỹ tín dụng Chương trình hợp tác Lâm nghiệp Việt Nam - Phần Lan ban hành kèm theo Quyết định số 1949/2003/QĐ-UB ngày 17/9/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	11/10/2014

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
41.	Quyết định	Số 16/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trưởng, phó trưởng phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn; trưởng, phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện	Khoản 3 Điều 4; Điểm 2.2, Khoản 2 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trưởng, phó trưởng phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn; trưởng, phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện ban hành kèm theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	21/12/2018

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
42.	Quyết định	Số 18/2019/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm g khoản 1 và điểm i khoản 2 Điều 1; - Cụm từ “Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản” tại điểm h khoản 2 Điều 1; - Điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 1. 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	03/12/2022
I.9. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					
43.	Quyết định	Số 1398/2012/QĐ-UBND ngày 12/09/2012 về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Các Điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14.	Hết hiệu lực một phần theo Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 về việc công bố hết hiệu lực các Điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 1398/2012/QĐ-UBND ngày 12/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh	01/7/2016

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.10. LĨNH VỰC Y TẾ					
44.	Quyết định	Số 296/2011/QĐ-UBND ngày 23/02/2011 về việc ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, ngành đào tạo, phương thức đào tạo, quyền lợi và trách nhiệm của người được cử đi đào tạo, bồi hoàn kinh phí đào tạo và quy trình xét chọn, quản lý bố trí công tác sau đào tạo nhân lực y tế phục vụ Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn từ năm 2011 trở đi	- Điểm d Điều 4; - Khoản 2 Điều 12.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 08/7/2014 sửa đổi một số điều của Quyết định số 296/2011/QĐ-UBND ngày 23/02/2011 về việc ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, ngành đào tạo, phương thức đào tạo, quyền lợi và trách nhiệm của người được cử đi đào tạo, bồi hoàn kinh phí đào tạo và quy trình xét chọn, quản lý bố trí công tác sau đào tạo nhân lực y tế phục vụ Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn từ năm 2011 trở đi	18/7/2014
45.	Quyết định	Số 01/2015/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 ban hành Quy định về số lượng, quy trình xét chọn và đơn vị quản lý, chế độ chính sách đối với nhân viên y tế thôn, bản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Các Điều 1, 3, 4; - Tiêu đề Điều 7; - Khoản 2 Điều 7; - Khoản 3, khoản 6 Điều 8.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về số lượng, quy trình xét chọn và đơn vị quản lý, chế độ chính sách đối với nhân viên y tế thôn, bản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	22/6/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.11. LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO - DU LỊCH					
46.	Nghị quyết	Số 16/2009/NQ-HĐND ngày 05/10/2009 về việc đặt tên đường, công trình công cộng và điều chỉnh độ dài một số đường thuộc địa bàn thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khoản 2 Điều 1.	Tên đường tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này đã được sửa đổi tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 19/12/2014 về việc đặt tên, đổi tên đường, công trình công cộng thuộc địa bàn thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	20/12/2014
47.	Nghị quyết	Số 01/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 Quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	- Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 1; - Nội dung về mức chi chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh tại số thứ tự 1 và số thứ tự 2 của khoản 3 Điều 1.	Bị bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 bãi bỏ một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	17/12/2021

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
48.	Quyết định.	Số 1750/2011/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<p>- Khoản 1 Điều 7; điểm a, b, e khoản 1 và khoản 2 Điều 8; Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định;</p> <p>- Điểm c khoản 1 Điều 6; điểm g, i, k khoản 1 Điều 8; các nội dung về lễ hội tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1750/2011/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	08/12/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
49.	Quyết định	Số 29/2017/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc Sở; trưởng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trưởng, phó trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Khoản 6 Điều 3, khoản 6 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với trưởng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc Sở; trưởng, phó trưởng phòng và tương đương đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trưởng, phó trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn	29/11/2018
50.	Quyết định	Số 01/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 ban hành Quy định quản lý khu du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 11/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý khu du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	22/11/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
51.	Quyết định	Số 22/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 10; khoản 1, khoản 4 Điều 11; Điều 16; Điều 17; Điều 19 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định; - Điều 4, Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định. 	Được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1750/2011/QĐ-UBND ngày 28/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và lễ hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	08/12/2019
I.12. LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
52.	Quyết định	Số 37/2017/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng đơn vị thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn	Khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 sửa đổi, bổ sung Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó các phòng đơn vị thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn	11/10/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
53.	Quyết định	Số 21/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 ban hành Quy định về chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút, thù lao trong hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý	Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút, thù lao trong hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin tuyên truyền đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc tỉnh Bắc Kạn quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	21/10/2021
I.13. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
54.	Nghị quyết	Số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Các khoản 2, 3, 4, 6, 8 Điều 1 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND.	Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	02/11/2023

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
55.	Nghị quyết	Số 02/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 Quy định chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Khoản 2 Điều 2; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND.	Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	18/12/2023
I.14. LĨNH VỰC TƯ PHÁP					
56.	Quyết định	Số 34/2016/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông các thủ tục hành chính về: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú cho công dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Nội dung phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông các thủ tục hành chính về: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú cho công dân	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 ban hành Quy chế phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí cho công dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	17/5/2019

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.15. LĨNH VỰC NỘI VỤ (TỔ CHỨC, BỘ MÁY) - DÂN TỘC - TÔN GIÁO					
57.	Quyết định	Số 1671/2004/QĐ-UBND ngày 13/9/2004 về việc phân cấp quản lý sử dụng cán bộ, công chức cấp xã	Nội dung quy định đối với công chức xã, phường, thị trấn.	Nội dung này đã được thay thế bởi Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	08/11/2014
58.	Quyết định	Số 3329/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 về việc ban hành Quy định về hỗ trợ kinh phí, quyền lợi và trách nhiệm của người được cử đi đào tạo bác sỹ theo địa chỉ giai đoạn 2009 - 2017 và đào tạo cán bộ trình độ cao giai đoạn 2009 - 2015	Điều 13.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 1318/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 về việc sửa đổi Quyết định số 3329/2009/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 về việc ban hành Quy định hỗ trợ kinh phí, quyền lợi và trách nhiệm của người được cử đi đào tạo bác sỹ theo địa chỉ giai đoạn 2009 - 2017 và đào tạo cán bộ có trình độ cao giai đoạn 2009 - 2015	30/7/2011
59.	Quyết định	Số 799/2003/QĐ-UB ngày 14/5/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức, quản lý và hoạt động Vườn Quốc gia Ba Bể	Các Điều 11, 12, 13, 14, 15, 16.	Được bãi bỏ tại Quyết định số 1925/2006/QĐ-UBND ngày 29/9/2006 về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát triển di sản thiên nhiên Vườn Quốc gia Ba Bể	09/10/2006

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I.16. LĨNH VỰC VĂN PHÒNG - KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH - NGOẠI VỤ					
60.	Quyết định	Số 17/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Công Thông tin điện tử tỉnh	- Khoản 1 Điều 2; - Khoản 2 Điều 17.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động Công Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh	10/12/2018
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản.					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2019 NHƯNG CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ: 0 văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh mục

Văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ của Hội đồng nhân dân,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
I. LĨNH VỰC AN NINH - QUỐC PHÒNG							
I.1. Văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh							
1	Chi thị	Số 14/2002/CT-UBND ngày 19/9/2002	Về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng trên phạm vi toàn tỉnh	Bãi bỏ	<ul style="list-style-type: none">Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chi thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.Các nội dung chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ dẫn chiếu đến các văn bản đã hết hiệu lực, cụ thể:	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>+ Nghị định số 15/2001/NĐ-CP ngày 01/5/2001 của Chính phủ về giáo dục quốc phòng đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 về giáo dục quốc phòng - an ninh (Nghị định này đã hết hiệu lực do bị bãi bỏ theo Nghị định số 05/2020/NĐ-CP).</p> <p>+ Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/5/2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hết hiệu lực theo Quyết định số 69/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/12/2008.</p> <p>- Các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ hiện nay thực hiện theo Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013.</p>		
2	Chỉ thị	Số 02/2014/CT-UBND ngày 24/01/2014	Về việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương năm 2014	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Nội dung Chỉ thị chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh trong năm 2014.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
I.2. Văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của Công an tỉnh							
3	Quyết định	Số 779/2008/QĐ-UBND ngày 28/4/2008	Về việc ban hành quy định về khu vực bảo vệ, khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Sửa đổi, bổ sung	<p>- Nội dung quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 3 “cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh những vụ, việc, tài liệu, số liệu, địa điểm, thời gian, vật, lời nói có nội dung quan trọng thuộc danh mục bí mật nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an quy định trong phạm vi tỉnh Bắc Kạn...” không còn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 (Thủ tướng Chính phủ là người có thẩm quyền ban hành danh mục bí mật nhà nước).</p> <p>- Nội dung quy định “Trong trường hợp đặc biệt, để phục vụ cho công tác đấu tranh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật thì chỉ được tiến hành các hoạt động ghi âm, ghi hình, chụp ảnh những vụ, việc, tài liệu, số liệu, địa điểm, thời gian, vật, lời nói... quy định tại điểm 3.1</p>	Công an tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>khoản 3 Điều này sau khi được phép của Giám đốc Công an tỉnh (đối với cán bộ, chiến sĩ công an) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các đối tượng khác)...” tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 3 không phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.</p> <p>- Nội dung Quyết định số 779/2008/QĐ-UBND chưa cập nhật cụ thể một số khu vực bảo vệ theo quy định tại Nghị định số 37/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ Quy định các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội do lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác bảo vệ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức liên quan (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 39/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021).</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
4	Quyết định	Số 336/2010/QĐ-UBND ngày 24/2/2010	Về việc phê quyết Đề án Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020	Bãi bỏ	Đề án đã hết thời gian thực hiện. Ngày 23/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Báo cáo số 560/BC-UBND về tổng kết 10 năm thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng phát triển đến năm 2020”.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
5	Chỉ thị	Số 11/1999/CT-UB ngày 29/6/1999	Về việc thực hiện Nghị định số 05/1999/NĐ-CP của Chính phủ về chứng minh nhân dân	Bãi bỏ	- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật. - Nội dung Chỉ thị liên quan đến việc chỉ đạo thực hiện quán triệt nội dung Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai Nghị định, đảm bảo việc cấp,	Theo phân công của UBND tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>cấp lại chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, theo quy định của Luật Căn cước công dân năm 2014, Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành Luật Căn cước công dân và Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021, việc cấp chứng minh thư nhân dân đã được thay thế bằng cấp căn cước công dân.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
6	Chỉ thị	Số 15/2002/CT-UB ngày 25/12/2002	Về việc tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Ngày 20/7/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 09/2015/CT-UBND về tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
7	Chỉ thị	Số 05/2003/CT-UB ngày 21/2/2003	Về việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Hiện nay, Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2000 đã được thay thế bằng Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
8	Chỉ thị	Số 09/2003/CT-UB ngày 06/6/2003	Về việc tăng cường các biện pháp cấp bách trong công tác phòng cháy, chữa cháy	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Ngày 06/4/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh có Chỉ thị số 07/2006/CT-UB về việc tăng cường công tác phòng cháy và chữa cháy, tổ chức hội thao nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng cháy, chữa cháy.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
9	Chỉ thị	Số 13/2004/CT-UB ngày 08/01/2004	Về việc tăng cường nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Nội dung của Chỉ thị triển khai thực hiện Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Nghị định 163/2003/NĐ-CP ngày 19/12/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành biện</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, hai văn bản này đến nay đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Nghị định này cũng đã được thay thế bằng Nghị định 120/2021/NĐ-CP).		
10	Chỉ thị	Số 07/2006/CT-UB ngày 06/4/2006	Về việc tăng cường công tác phòng cháy và chữa cháy, tổ chức hội thao nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng cháy, chữa cháy	Bãi bỏ	- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật. - Ngày 19/5/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 11/2011/CT-UBND về việc tăng cường chỉ đạo một số nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và tổ chức	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh ban hành Pháp lệnh Quy định việc quản lý nhà nước về công tác phòng cháy và chữa cháy (04/10/1961- 04/10/2011), tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng Cháy và chữa cháy và tổ chức hội thao nghiệp vụ chữa cháy lực lượng phòng cháy cơ sở và dân phòng lần IV năm 2011.		
11	Chỉ thị	Số 01/2010/CT-UBND ngày 13/01/2010	Về việc triển khai thực hiện Nghị định 36/2009/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý và sử dụng pháo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật. - Nghị định số 36/2009/NĐ-CP ngày 15/4/2009 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng pháo đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng pháo.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
12	Chỉ thị	Số 12/2012/CT-UBND ngày 13/7/2012	Về việc tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Ngày 21/7/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND về việc tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
13	Chỉ thị	Số 13/2012/CT-UBND ngày 18/7/2012	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 của Chính phủ đã được thay thế bởi Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
14	Chỉ thị	Số 04/2013/CT-UBND ngày 12/3/2013	Về triển khai thực hiện Thông tư 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an Quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	Bãi bỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật. - Thông tư số 23/2012/TT-BCA đã được thay thế bởi Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 Quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự”. 	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
15	Chỉ thị	Số 24/2013/CT-UBND ngày 20/12/2013	Về việc tổ chức thi hành hình phạt tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật. - Nội dung Chỉ thị nhằm triển khai thực hiện Luật Thi hành án hình sự năm 2010, tuy nhiên hiện nay Luật này đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Thi hành án hình sự năm 2019. 	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
16	Chi thị	Số 07/2014/CT-UBND ngày 02/6/2014	Chỉ thị số về tăng cường công tác đấu tranh, ngăn chặn người địa phương xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc lao động	Bãi bỏ	<p>- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Nội dung về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Luật Cư trú năm 2006 tại các mục 3, 5, 8 không còn phù hợp do Luật đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Cư trú năm 2000.</p> <p>- Ngày 08/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 98/CT-UBND về tăng cường công tác đấu tranh, ngăn chặn tình trạng công dân địa phương, xuất cảnh trái phép, cư trú và lao động bất hợp pháp, vi phạm pháp luật ở nước ngoài trong tình hình hiện nay.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
II. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - THUẾ							
II.1. Văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Tài chính							
17	Nghị quyết	Số 15/2008/NQ-HĐND ngày 03/10/2008	Về việc bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết số 112/2003/NQ-HĐND ngày 20/8/2003 và Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND ngày 11/5/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Các căn cứ ban hành hết hiệu lực; Nghị quyết số 112/2003/NQ-HĐND ngày 20/8/2003 và Nghị quyết số 08/2007/NQ-HĐND cũng đã hết hiệu lực toàn bộ. Để tinh gọn hệ thống văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài chính.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
18	Nghị quyết	Số 24/2011/NQ-HĐND ngày 07/10/2011	Về việc Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2011 - 2012 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Các căn cứ để ban hành văn bản đã hết hiệu lực. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay được quy định và áp dụng theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
19	Nghị quyết	Số 07/2016/NQ-HĐND ngày 29/4/2016	Về việc Quy định mức thu học phí đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc tỉnh quản lý từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021	Bãi bỏ	Căn cứ để ban hành là Nghị định 86/2015/NĐ-CP hết hiệu lực từ ngày 15/10/2021, đồng thời nội dung Nghị quyết chỉ áp dụng đến năm học 2020 - 2021. Mức thu học phí đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ)	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
20	Nghị quyết	Số 41/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017	Quy định một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Căn cứ ban hành hết hiệu lực. Hiện nay, việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được áp dụng theo quy định tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
21	Nghị quyết	Số 02/2021/NQ-HĐND ngày 05/3/2021	Ban hành quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 từ nguồn ngân sách Nhà nước	Bãi bỏ	- Tại Điều 1 Nghị quyết này quy định: Nội dung, mức chi, thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. - Năm 2021 công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã hoàn thành, theo đó Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 05/3/2021 chỉ thực hiện cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
22	Nghị quyết	Số 08/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021	Quy định nội dung và mức chi đặc thù từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	<p>Thực hiện Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 29/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19 thuộc nhóm A và bãi bỏ một số văn bản phòng, chống dịch Covid-19 do Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch Covid-19 và Thủ tướng Chính phủ ban hành; Quyết định số 3983/QĐ-BYT ngày 29/10/2023 của Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số văn bản phòng, chống dịch Covid-19 do Bộ Y tế ban hành; chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 7280/UBND-VXNV ngày 30/10/2023: "...Căn cứ các Quyết định nêu trên và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ chủ động rà soát, bãi bỏ các văn bản đã ban hành theo thẩm quyền để chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 không còn phù hợp".</p> <p>Nội dung của Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND đã không còn phù hợp với thực tiễn.</p>	Theo phân công của UBND tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
23	Quyết định	Số 23/2017/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng và các hình thức hỗ trợ khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2016 - 2020.	Bãi bỏ	<p>Các căn cứ pháp lý ban hành Quyết định đã bị bãi bỏ và hết hiệu lực, cụ thể: Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 đã được bãi bỏ bởi Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 được thay thế bởi Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020; Thông tư 349/2016/TT-BTC được thay thế bởi thông tư 96/2021/TT-BTC; Thông tư 09/2016/TT-BTC hết hiệu lực do Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.</p> <p>Hiện nay, việc quản lý, thanh, quyết toán kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được áp dụng theo quy định tại Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
24	Quyết định	Số 24/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	Ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 tại tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	<p>Các căn cứ pháp lý ban hành Quyết định đã bị bãi bỏ và hết hiệu lực, cụ thể: Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 đã được bãi bỏ bởi Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; Thông tư số 349/2016/TT-BTC được thay thế bởi Thông tư số 96/2021/TT-BTC.</p> <p>Hiện nay, việc huy động, sử dụng nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 27/2022/NĐ-CP Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản liên quan.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
II.2. Văn bản thuộc lĩnh vực quản lý của Cục Thuế tỉnh							
25	Quyết định	703/2009/QĐ-UBND ngày 08/4/2009	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý thuế theo phương pháp ấn định thuế đối với cơ sở khai thác tài nguyên khoáng sản quý hiếm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Hiện nay, việc quản lý thuế đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và việc phối hợp giữa các cơ quan được thực hiện theo Quyết định số 1006//QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án Quản lý thuế đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
III. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ							
26	Nghị quyết	Số 04/2012/NQ-HĐND ngày 10/4/2012	Về việc tiếp tục thực hiện tiêu chí phân bổ vốn dự án phát triển sản xuất và dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội	Bãi bỏ	- Căn cứ ban hành là Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (thuộc xã khu vực II) vùng đồng bào dân tộc và miền núi tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 09/10/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII		2006 - 2010 đã hết hiệu lực (công bố tại Quyết định số 2010/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đến hết ngày 31/12/2015). - Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 đã hết giai đoạn thực hiện.		
27	Nghị quyết	Số 22/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015	Về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020	Bãi bỏ	Nghị quyết này không còn được áp dụng trên thực tiễn do đã hết giai đoạn thực hiện.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
28	Nghị quyết	Số 11/2016/NQ-HĐND ngày 29/4/2016	Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 05 năm 2016 - 2020	Bãi bỏ	Không còn được áp dụng do đã hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016 - 2020	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
29	Nghị quyết	Số 53/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016	Về việc Quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh	Bãi bỏ	* Căn cứ ban hành văn bản đã hết hiệu lực - Luật Đầu tư công năm 2014 đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã hết hiệu lực do Luật Đầu tư công năm 2014 hết hiệu lực (được công bố tại Quyết định số 152/QĐ-BKHĐT ngày 04/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực và hết hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2019).	Theo phân công của UBND tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Về nội dung:</p> <p>- Về quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2014, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư: “Dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này. Tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C của địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương”.</p> <p>Tuy nhiên, Luật Đầu tư công năm 2014 đã hết hiệu lực. Theo quy định tại các khoản 6, 7 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019:</p> <p>“6. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>7. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân quyết định việc giao cho Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản này phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương”.</p> <p>Do đó, quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND về tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện không còn phù hợp.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>- Về quy định ủy quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân: “Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân có tính cấp bách, cần quyết định ngay, phát sinh trong thời gian giữa 02 kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân tự mình hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp bất thường của Hội đồng nhân dân để xem xét, quyết định”.</p> <p>Đồng thời theo hướng dẫn tại văn bản số 191/UBTVQH14-CTĐB ngày 19/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>của Hội đồng nhân dân: “Luật Tổ chức chính quyền địa phương không quy định về việc Hội đồng nhân dân ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân. Do vậy, trong quá trình hoạt động, Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác”.</p> <p>Do đó, nội dung ủy quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là không phù hợp.</p>		
30	Nghị quyết	Số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017	Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)	Bãi bỏ	Không còn được áp dụng. Hiện nay đang thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
31	Nghị quyết	Số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19/4/2018	Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 03/2017/NQ- HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)				
32	Nghị quyết	Số 12/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019	Phân bổ vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn (nguồn vốn cân đối ngân sách) và phương án phân bổ vốn dự phòng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020	Bãi bỏ	Không còn được áp dụng. Hiện nay đang thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
33	Nghị quyết	Số 16/2019/NQ-HĐND	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Bãi bỏ	Không còn được áp dụng. Hiện nay đang thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
34	Nghị quyết	Số 03/2020/NQ-HĐND ngày 05/5/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Bãi bỏ		Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
35	Nghị quyết	Số 12/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020	Bãi bỏ		Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
36	Nghị quyết	Số 17/2020/NQ-HĐND ngày 04/11/2020	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn cân đối ngân sách địa phương	Bãi bỏ		Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
37	Quyết định	Số 20/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014	Về việc ban hành Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2014 - 2017	Bãi bỏ	Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2014 - 2017 được xây dựng và áp dụng cho giai đoạn 2014 - 2017, không còn được áp dụng đối với giai đoạn hiện nay.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
38	Quyết định	Số 28/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016	Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh	Bãi bỏ	* Căn cứ ban hành văn bản đã hết hiệu lực - Luật Đầu tư công năm 2014 đã được thay thế bởi Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm hết hiệu lực do Luật Đầu tư công năm 2014 hết hiệu lực (đã được công bố tại Quyết định số 152/QĐ-BKHĐT ngày 04/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực và hết hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2019).	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Về nội dung văn bản</p> <p>Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND được ban hành căn cứ vào các quy định về việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công tại Luật Đầu tư công năm 2014 và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Tại khoản 5, Điều 58 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư “5. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm ở địa phương”; do đó Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016; các nội dung quy định, trình tự tại Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND đều căn cứ thực hiện theo các khoản, điều tại Luật Đầu tư công năm 2014 và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015. Tuy nhiên, hiện nay Luật Đầu tư</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>công năm 2014 và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 đã hết hiệu lực thi hành, nội dung Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 không còn phù hợp.</p> <p>Đồng thời, tại Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đều không có quy định địa phương phải ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm ở địa phương.</p> <p>Hiện nay, việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện và giải ngân vốn của các dự án đầu tư được thực hiện theo quy định tại theo Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do vậy, không cần thiết ban hành văn bản thay thế Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
IV. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
39	Quyết định	Số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015	Về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Nội dung Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND xây dựng trên cơ sở quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công	Theo phân công của UBND tỉnh	2024
40	Quyết định	Số 36/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử				

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn		nghe có sử dụng ngân sách nhà nước. Do vậy, nội dung của hai Quyết định trên không còn phù hợp với 02 Thông tư trên. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, việc bãi bỏ hai Quyết định này là cần thiết.		
V. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG							
41	Nghị quyết	Số 18/2007/NQ-HĐND ngày 29/10/2007	Về Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2020	Bãi bỏ	Nội dung không còn phù hợp. Ngày 10/3/2023, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐND thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, các nội dung về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	2024
42	Nghị quyết	Số 21/2008/NQ-HĐND ngày 15/12/2008	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm				

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
			của Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2020 quy định tại Nghị quyết số 18/2007/NQ-HĐND ngày 29/10/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn				
43	Nghị quyết	Số 02/2012/NQ-HĐND ngày 10/4/2012	Về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2011 - 2015) của tỉnh Bắc Kạn				

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
44	Nghị quyết	Số 14/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014	Về việc bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2013 - 2020				
45	Nghị quyết	Số 01/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017	Về việc thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030				
46	Nghị quyết	Số 30/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014	Về việc thông qua Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Ngày 07/12/2019, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 36/NQ-HĐND thông qua bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	2024
47	Quyết định	Số 27/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014	Về việc ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn				

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
VI. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI							
48	Nghị quyết	Số 01/2007/NQ-HĐND ngày 11/5/2007	Về việc thực hiện thí điểm đề án phân cấp tổ chức quản lý bảo dưỡng hệ thống đường huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Đã thực hiện thí điểm xong trong năm 2008 theo nội dung của Nghị quyết	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
49	Nghị quyết	Số 10/2016/NQ-HĐND ngày 29/4/2016	Về việc thông qua Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Bãi bỏ	<p>Để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017.</p> <p>Ngày 10/3/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐND thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Ngày 17/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
50	Quyết định	Số 32/2018/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	Ban hành Quy định quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	* Một số căn cứ ban hành Quyết định đã hết hiệu lực, cụ thể: - Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20/4/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 và Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ đã hết hiệu lực do bị bãi bỏ bởi Nghị định số 09/2020/NĐ-CP ngày 13/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về Quỹ bảo trì đường bộ.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>- Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p> <p>* Hiện nay, Nghị định số 09/2020/NĐ-CP đã bãi bỏ các văn bản về Quỹ bảo trì đường bộ, tại Điều 4 Nghị định quy định:</p> <p>“1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy định việc thu, nộp và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô thông nhất trong cả nước, bao gồm cả đường bộ thuộc Trung ương quản lý và đường bộ thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về phí, ngân sách nhà nước. Phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô (sau khi trừ chi phí tổ chức thu) được nộp toàn bộ vào ngân sách Trung ương, sử dụng để quản lý, bảo trì đường bộ.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>2. Bộ Giao thông vận tải chủ trì xây dựng phương án phân chia nguồn thu phí sử dụng đường bộ nộp ngân sách Trung ương cho công tác quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ và đường địa phương; nguyên tắc, tiêu chí phân chia nguồn thu phí sử dụng đường bộ dành cho công tác quản lý, bảo trì đường địa phương cho từng địa phương, gửi Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện từ năm 2021...</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện xử lý các vấn đề về tổ chức, hoạt động, tài chính của <u>Quỹ bảo trì đường bộ địa phương theo quy định của pháp luật khi nghị định này có hiệu lực thi hành</u>”.</p> <p>Ngày 05/05/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-UBND về việc giải thể Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Bắc Kạn.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
VII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG							
51	Chỉ thị	Số 03/2005/CT-UBND ngày 24/1/2005	Về việc chấn chỉnh công tác quản lý quy hoạch thị xã Bắc Kạn	Bãi bỏ	- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật. - Chỉ thị này không còn phù hợp với thực tế. Đồng thời ngày 23/7/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quản lý quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng và môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
VIII. LĨNH VỰC NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN							
52	Quyết định	Số 08/2019/QĐ-UBND ngày 10/6/2019	Ban hành Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 - 2020, đến nay đã hết giai đoạn. Hiện nay, hằng năm Ủy ban nhân dân tỉnh đều ban hành Quyết định quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bằng các	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	2023

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					quyết định hành chính thông thường như: Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về việc Quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 23/12/2012 về việc Quy định mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn,...		
IX. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							
53	Nghị quyết	Số 13/2012/NQ-HĐND ngày 16/7/2012	Về việc phê duyệt Đề án xây dựng nhà ở nội trú dân nuôi và các công trình thiết yếu cho học sinh trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2012 - 2015	Bãi bỏ	Đề án chỉ được thực hiện trong giai đoạn 2012 - 2015. Thực tế hiện nay Nghị quyết đã không còn được áp dụng trên địa bàn tỉnh.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
54	Nghị quyết	Số 42/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017	Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập theo Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND được áp dụng trong năm học 2017 - 2018. Ngày 17/7/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
X. LĨNH VỰC Y TẾ							
55	Quyết định	Số 435/2010/QĐ-UBND ngày 12/3/2010	Về việc ban hành Quy chế quản lý khai thác, kinh doanh và sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	* Căn cứ ban hành văn bản đã hết hiệu lực - Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003 được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; - Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004 được thay thế bởi Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<ul style="list-style-type: none"> - Luật Dược ngày 14/6/2005 được thay thế bởi Luật Dược ngày 06/4/2016; - Pháp lệnh về hành nghề y dược tư nhân được thay thế bởi Luật Khám, chữa bệnh ngày 23/11/2009; - Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm được thay thế bởi Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; - Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng bị bãi bỏ bởi Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. 		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Về nội dung</p> <p>- Quy chế ban hành kèm theo Quyết định có quy định về giấy phép thu hái dược liệu (tại khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6, Điều 10), giấy phép vận chuyển dược liệu (tại Điều 10, Điều 16).</p> <p>Về giấy phép thu hái dược liệu: Trường hợp cây thuốc là gỗ, lâm sản ngoài gỗ, giấy phép khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ được quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ (Thông tư này đã hết hiệu lực); hiện nay, việc <u>phê duyệt phương án khai thác</u> được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>Về giấy phép vận chuyển dược liệu: Trường hợp cây thuốc là gỗ, lâm sản ngoài gỗ, theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, không yêu cầu phải có giấy phép vận chuyển trong hồ sơ lâm sản khi vận chuyển trong nước.</p> <p>- Khoản 2 Điều 5 Quy chế quy định: “Trước khi khai thác, người thu hái phải xin phép chính quyền và cơ quan quản lý tài nguyên ở địa phương và <u>nộp lệ phí khai thác tài nguyên</u> theo quy định”. Hiện nay, Luật Phí và lệ phí hiện hành không quy định về lệ phí khai thác tài nguyên.</p> <p>- Điều 6 Quy chế quy định: “Nghiêm cấm việc khai thác vì mục đích thương mại các loài cây thuốc, các loài dược liệu ở trong các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, trừ khi khai thác để sử dụng chữa bệnh tại chỗ, khai thác để phục vụ nghiên cứu khoa học...”.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>Hiện nay, việc khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Lâm nghiệp năm 2017. Theo đó, Luật cho phép khai thác lâm sản trong rừng đặc dụng trong một số trường hợp như: Đối với vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh được khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, nằm trong phân khu dịch vụ, hành chính của rừng đặc dụng; được khai thác tận dụng gỗ, củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; được thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, nguồn gen sinh vật theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt...</p> <p>- Điều 7 Quy chế dẫn chiếu đến Nghị định số 32/2006/NĐ-CP. Nghị định này đã hết hiệu lực do được thay thế bởi Nghị định số 06/2019/NĐ-CP.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					- Khoản 1 Điều 14 Quy chế quy định về điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh buôn bán dược liệu. Quy định này không còn phù hợp với quy định tại Điều 31 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược (cụ thể về thời gian thực hành chuyên môn tại cơ sở dược, cơ sở khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền của người chịu trách nhiệm về chuyên môn dược).		
XI. LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO - DU LỊCH							
56	Nghị quyết	Số 16/2009/NQ-HĐND ngày 05/10/2009	Về việc đặt tên đường, công trình công cộng và điều chỉnh độ dài một số đường thuộc địa bàn thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ một phần	Tên đường Thành Công quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND đã được đổi tên thành Đường Võ Nguyên Giáp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 19/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đặt tên, đổi tên đường, công trình công cộng thuộc địa bàn thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
57	Nghị quyết	Số 15/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014	Định hướng nội dung hương ước, quy ước ở thôn, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	<p>* Các căn cứ ban hành văn bản đã hết hiệu lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003 được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. - Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20/4/2007 đã bị bãi bỏ bởi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022. - Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg ngày 19/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư đã được thay thế bởi Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước (Quyết định này đã hết hiệu lực do bị bãi bỏ bởi Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư). 	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>- Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN ngày 31/3/2000 của Bộ Tư pháp - Bộ Văn hóa Thông tin - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thông tư liên tịch số 04/2001/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN-UBQGDSKHHGD ngày 09/7/2001 của Bộ Tư pháp - Bộ Văn hóa Thông tin - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Ủy ban Quốc gia Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 05/2019/TT-BTP ngày 01/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>- Thông tư số 70/2007/TT-BNN ngày 01/8/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn bị bãi bỏ bởi Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p> <p>- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới đã được thay thế bởi Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016.</p> <p>* Về nội dung văn bản</p> <p>- Một số nội dung tại Quyết định liên quan đến thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước của các thôn, tiểu khu, tổ dân phố không còn phù hợp, cụ thể:</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>Tại điểm b khoản 2 Điều 2 quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm: "...Công nhận hương ước, quy ước của các thôn, tiểu khu, tổ dân phố theo đúng quy định".</p> <p>Tại điểm c khoản 2 Điều 2 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: "...Lập hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hương ước, quy ước của các thôn, tiểu khu, tổ dân phố theo quy định...".</p> <p>Tại mục I định hướng nội dung hương ước, quy ước ban hành kèm theo Quyết định: "...Nội dung bản quy ước ... và được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận".</p> <p>Tại mục II định hướng nội dung hương ước, quy ước ban hành kèm theo Quyết định: "...Quy ước phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận mới có giá trị thi hành".</p> <p>Các nội dung trên không còn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP (Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước).</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					- Phạm vi nội dung của hương ước, quy ước đã được quy định tại Điều 5 Nghị định số 61/2023/NĐ-CP.		
58	Nghị quyết	Số 28/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015	Về việc thông qua Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bãi bỏ	<p>Hiện nay, Luật Quy hoạch năm 2017 không quy định về quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa ở địa phương. Nội dung phương án phát triển ngành văn hóa đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh.</p> <p>Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017: “Các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này”.</p> <p>Ngày 10/3/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐND thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
59	Nghị quyết	Số 48/2016/NQ-HĐND ngày 06/11/2016	Thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Bãi bỏ	<p>* Căn cứ ban hành đã hết hiệu lực gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Du lịch ngày 14/6/2005 đã được thay thế bởi Luật Du lịch ngày 19/6/2017. - Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ đã được thay thế bởi Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. <p>* Về nội dung</p> <p>Nghị quyết được ban hành trên cơ sở thẩm quyền được giao tại khoản 2 Điều 20 Luật Du lịch năm 2005. Tuy nhiên, hiện nay, Luật Du lịch năm 2017 không quy định về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch; phương hướng phát triển du lịch đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh.</p> <p>Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017: “Các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được thực hiện cho đến</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>khí quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này”.</p> <p>Ngày 10/3/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐND thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>		
60	Quyết định	Số 03/2014/QĐ-UBND ngày 28/02/2014	Về việc Quy định mức thưởng vật chất đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh	Bãi bỏ	Ngày 07/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực và giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Do đó, nội dung tại Quyết định này không còn phù hợp.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
XII. LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG							
61	Quyết định	Số 27/2019/QĐ-UBND ngày 11/12/2019	Ban hành Quy chế quản lý, hoạt động của đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thay thế	<p>Tại khoản 1 Điều 7 quy định: “Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của cán bộ phụ trách đài truyền thanh thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Quyết định số 1597/2011/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn”, tuy nhiên Quyết định số 1597/2011/QĐ-UBND đã hết hiệu lực do bị bãi bỏ bởi Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 14/12/2020.</p> <p>Theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>thông tin và Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.</p> <p>Năm 2022, hệ thống thông tin nguồn của tỉnh và hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (CNTT-VT) trên địa bàn tỉnh được tỉnh đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng, theo đó một số quy định của Quy chế không còn phù hợp như: Thời điểm phát sóng, địa điểm đặt các cụm loa, thời lượng, âm lượng phát thanh, truyền thanh, việc bố trí vị trí lắp đặt các cụm loa ứng dụng CNTT-VT..., đồng thời với một số bất cập và một số nội dung phát sinh chưa có trong Quy chế cần được bổ sung.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
XIII. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI							
62	Nghị quyết	Số 70/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	Về Chương trình việc làm tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020	Bãi bỏ	<p>* Các căn cứ ban hành văn bản đã hết hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động năm 2012 hết hiệu lực, được thay thế bằng Bộ luật Lao động năm 2019. - Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm đã hết hiệu lực theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về một số chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ. <p>* Về nội dung: Nội dung Nghị quyết là thông qua Chương trình việc làm tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020, hiện nay đã hết giai đoạn thực hiện Chương trình.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
63	Quyết định	Số 07/2020/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thay thế	<p>* Căn cứ ban hành hết hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005; Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020. - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng hết hiệu lực được thay thế bằng Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. 	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>- Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý hết hiệu lực, được thay thế bằng Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Về nội dung:</p> <p>- Tại Điều 3, khoản 1 Điều 5 Quyết định quy định dẫn chiếu thực hiện: Nội dung, mức chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến từ nguồn ngân sách Trung ương đảm bảo; hướng dẫn các đơn vị về thủ tục mở tài khoản (nơi các đơn vị giao dịch) để tiếp nhận và sử dụng kinh phí; kiểm soát chi và thanh toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 101/2018/TT-BTC. Nội dung này không còn phù hợp do Thông tư này đã hết hiệu lực được thay thế bằng Thông tư số 44/2022/TT-BTC.</p> <p>Bên cạnh đó, Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND chưa quy định một số nội dung (về trách nhiệm bồi hoàn trong trường hợp xảy ra mất, thất thoát tiền trợ cấp...).</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
XIV. LĨNH VỰC TƯ PHÁP							
64	Nghị quyết	Số 13/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014	Quy định mức chi một số khoản chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thay thế	Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND. Tuy nhiên, hiện nay, Thông tư này đã được thay thế bởi Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở. Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này quy định: “Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa...”; đồng thời giao: “...Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.	Sở Tư pháp	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>Mặt khác, một số nội dung chi tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này không còn được quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC như: Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường, chi thuê người dẫn đường (tại mục 5); chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở (tại mục 7); chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật (tại mục 8)... Một số nội dung chi tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC chưa được quy định tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND như thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật... Một số mức chi tối đa tại Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND thấp hơn nhiều so với mức chi tối đa tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC và không còn phù hợp với thực tế như:</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					Chi biên soạn tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù; chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt câu lạc bộ pháp luật; chi thuê văn nghệ, diễn viên; chi giải thưởng các cuộc thi, hội thi. Do đó, cần thiết ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết này.		
XV. LĨNH VỰC NỘI VỤ (TỔ CHỨC, BỘ MÁY) - DÂN TỘC - TÔN GIÁO							
65	Nghị quyết	Số 19/2015/NQ-HĐND ngày 23/7/2015	Về việc Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, nghỉ việc chờ đủ tuổi nghỉ hưu	Bãi bỏ	* Căn cứ ban hành Nghị quyết hết hiệu lực - Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn bị thay thế bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc bị thay thế bởi Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo hiểm xã hội bắt buộc.	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Nội dung</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định: “Cán bộ cấp xã đang giữ chức vụ bầu cử quy định tại khoản 1 Điều 5 mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 8; công chức cấp xã đang giữ chức danh quy định tại khoản 2 Điều 5 mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ”. Như vậy, trường hợp cán bộ, công chức cấp xã đang giữ chức vụ, chức danh hết thời hạn theo quy định nhưng không đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>Nghị định số 33/2023/NĐ-CP thì sẽ thực hiện chế độ nghỉ hưu hoặc tinh giản biên chế. Do đó, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định nhưng không bố trí được công việc khác nghỉ việc chờ đủ tuổi nghỉ hưu tại Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND không còn phù hợp.</p> <p>- Ngoài ra, tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND quy định: “Thời gian xét cho các đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ này thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2016”. Như vậy, Nghị quyết đã quy định thời gian áp dụng, thực hiện chính sách này đến ngày 31/12/2016, do đó, kể từ ngày 01/01/2017, sẽ không thực hiện xét hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND cho các đối tượng.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
66	Nghị quyết	Số 20/2015/NQ-HĐND ngày 23/7/2015	Về việc Quy định mức chi phục vụ công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	<p>* Về căn cứ ban hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. - Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước đã hết hiệu lực do bị thay thế bởi Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. 	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Về nội dung</p> <p>Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND được ban hành trên cơ sở quy định tại Điều 3 Thông tư số 172/2012/TT-BTC: “Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa. Căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách; Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này.”</p> <p>Tuy nhiên, hiện nay, tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 26/2019/TT-BTC quy định: “Căn cứ mức chi thực hiện công tác cải cách hành chính quy định tại Thông tư này, các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính quy định mức chi thực</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					hiện công tác cải cách hành chính tại đơn vị mình và phù hợp với quy định của pháp luật”. Như vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh không được giao thẩm quyền quy định về mức chi phục vụ công tác cải cách hành chính nhà nước.		
67	Nghị quyết	Số 16/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thay thế	* Căn cứ ban hành Nghị quyết hết hiệu lực: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn; và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Hai Nghị định này bị thay thế bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2013 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.	Sở Nội vụ	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Về nội dung</p> <p>- Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND quy định “Mỗi đơn vị hành chính cấp xã bố trí không quá 10 người đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách”. Quy định này không còn phù hợp với khoản 1 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP “Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người.”</p> <p>- Khoản 7 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định “Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố ngoài 03 chức danh quy định tại khoản 6 Điều này được hưởng hỗ trợ hằng tháng”; Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP đã quy định tăng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Vì vậy, mức phụ cấp quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND không còn phù hợp.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
68	Quyết định	Số 1671/2004/QĐ-UBND ngày 13/9/2004	Về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý sử dụng cán bộ, công chức cấp xã	Bãi bỏ	<p>* Căn cứ ban hành Quyết định hết hiệu lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 bị thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. - Nghị định 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 bị thay thế bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023. <p>* Về nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung quy định về quản lý sử dụng công chức đã được bãi bỏ bởi Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. - Nội dung quy định về quản lý sử dụng cán bộ: Điểm a khoản 2 Điều 32 Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân tỉnh “Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện theo quy 	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này”; điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân huyện “Quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức ở từng đơn vị hành chính cấp xã...”. Do vậy, quy định “Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể về số lượng cán bộ chuyên trách cấp xã theo quy định của Chính phủ...” tại khoản 1 Điều 4 Quy định phân cấp quản lý sử dụng cán bộ, công chức cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 1671/2004/QĐ-UB không còn phù hợp.</p> <p>- Tại Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP bổ sung thêm các quy định về thẩm quyền quản lý đối với cán bộ cấp xã của Ủy ban nhân dân các cấp, cụ thể: Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể chuẩn từng chức vụ cán bộ cấp xã (điểm b khoản 2), hướng dẫn việc lập và quản lý hồ sơ cán bộ cấp xã (điểm m khoản 2); Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã (điểm d khoản 3), quyết định chức danh</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ cấp xã giảm được (điểm e khoản 3), hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập và quản lý hồ sơ cán bộ cấp xã (điểm n khoản 3); Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ cấp xã giảm được (điểm c khoản 4), lập và quản lý hồ sơ cán bộ cấp xã (điểm h khoản 4).</p>		
69	Quyết định	Số 1628/2007/QĐ- UBND ngày 07/9/2007	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật công chức cấp xã.	Bãi bỏ	<p>* Căn cứ ban hành Quyết định hết hiệu lực</p> <p>- Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2023 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn bị thay thế bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.</p>	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>- Quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức bị bãi bỏ bởi Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.</p> <p>* Về nội dung</p> <p>Điều 29 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “Kỷ luật cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Trường hợp luật, Điều lệ Đảng, tổ chức chính trị - xã hội có quy định khác thì thực hiện theo quy định của luật, điều lệ đó”. Như vậy, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP không giao Ủy ban nhân dân ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật công chức cấp xã, kể từ ngày 01/8/2023 (ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực) việc xử lý kỷ luật công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại Nghị định số</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP. Do đó, các quy định về Quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật công chức cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 1628/2007/QĐ-UBND không còn phù hợp, cụ thể:</p> <p>- Khoản 1 Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1628/2007/QĐ-UBND quy định “Hội đồng kỷ luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quyết định thành lập...” không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP “...cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với công chức có hành vi vi phạm” theo khoản 10 Nghị định số</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>71/2023/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã.</p> <p>- Khoản 2, khoản 3 Điều 3 và Điều 4 Quy chế quy định số lượng thành viên tham gia Hội đồng kỷ luật gồm 03 người; có thể mời thêm các đại diện: Cấp ủy Đảng, trưởng đoàn thể cấp xã...; thư ký Hội đồng kỷ luật do Chủ tịch Hội đồng kỷ luật chỉ định. Các quy định này không còn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP (đối với công chức cấp xã, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ cấp huyện).</p>		
70	Quyết định	Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020	Ban hành Quy định phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thay thế	* Căn cứ ban hành Quyết định hết hiệu lực Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày	Sở Nội vụ	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>24/4/2019 của Chính phủ bị thay thế bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.</p> <p>* Về nội dung</p> <p>- Về việc quyết định số lượng công chức cấp xã, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP đã giao thẩm quyền quyết định số lượng công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện cho Hội đồng nhân dân tỉnh (điểm a khoản 2 Điều 32); số lượng cụ thể công chức cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (điểm b khoản 3 Điều 32). Do vậy, quy định tại khoản 3 Điều 4 quy định phân cấp quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND “Xây dựng Quyết định giao số lượng và quy định số người đảm nhiệm cho từng chức danh công chức cấp xã, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định” không còn phù hợp.</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>- Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP bổ sung thêm một số quy định về thẩm quyền quản lý công chức, cụ thể: Tại điểm c khoản 2 giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã theo quy định tại Điều 10; điểm d khoản 3 quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã.</p> <p>- Bên cạnh đó, điểm i khoản 2 Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân tỉnh “Ban hành Quy định về phân cấp quản lý đối với cán bộ, công chức cấp xã”.</p>		
71	Quyết định	Số 08/2021/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thay thế	* Căn cứ ban hành Quyết định đã hết hiệu lực Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ bị thay thế bởi Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.	Sở Nội vụ	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>* Về nội dung</p> <p>- Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “Việc tuyển dụng công chức cấp xã được áp dụng quy định tại Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức”. Vì vậy, kể từ ngày 01/8/2023 (ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực) việc tuyển dụng công chức cấp xã sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Do đó, các quy định về tuyển dụng công chức cấp xã tại Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND không còn phù hợp, cụ thể:</p> <p>+ Điểm b khoản 2 Điều 8 Quy chế quy định trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của cấp huyện dưới 20</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>người thì không phải thành lập Hội đồng tuyển dụng; Điều 14 quy định “nếu số lượng người đăng ký dự tuyển từ 20 người trở lên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng” quy định này không còn phù hợp với khoản 1 Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP (không quy định về số lượng người đăng ký dự tuyển để quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng mà bắt buộc phải thành lập Hội đồng tuyển dụng).</p> <p>+ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP bổ sung thêm các quy định: Thẩm quyền thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển của Hội đồng tuyển dụng, thẩm quyền thành lập tổ thư ký giúp việc trong trường hợp cần thiết của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng (điểm a khoản 2 Điều 7); nội dung thi môn ngoại ngữ và các trường hợp miễn phần thi ngoại ngữ tại vòng 1 thi kiểm tra kiến thức năng lực chung (khoản 1 Điều 8).</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					<p>+ Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 02 vòng (vòng 1: Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, vòng 2: Phỏng vấn), do đó, các quy định về các bước tổ chức xét tuyển quy định tại Điều 22 Quy chế không còn phù hợp.</p> <p>+ Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP bổ sung thêm một số quy định: Chức danh công chức Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định 138/2020/NĐ-CP còn phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP (khoản 2); điềm ưu tiên đối với đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên</p>		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					(khoản 3); miễn thi vòng 1 đối với người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định của Chính phủ tham gia thi tuyển công chức cấp xã (khoản 5); tiêu chuẩn đối tượng xét tuyển công chức Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (khoản 7). - Tại điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân tỉnh “Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã”.		
XVI. LĨNH VỰC VĂN PHÒNG - KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH - NGOẠI VỤ							
72	Nghị quyết	Số 05/2015/NQ-HĐND ngày 03/4/2015	Về việc Quy định mức chi cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	Bãi bỏ một phần	Theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: “Danh sách cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính phải được Bộ trưởng hoặc thủ trưởng cơ quan ngang bộ (đối với cấp bộ) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã (đối với cấp địa phương) phê duyệt.”	Theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					Để việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính đảm bảo linh hoạt trên thực tiễn, việc bãi bỏ nội dung “Danh sách cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính phải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt” tại Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND là cần thiết.		
73	Quyết định	Số 17/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018	Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn		Căn cứ ban hành văn bản hết hiệu lực: Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước đã hết hiệu lực bởi được thay thế bằng Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
74	Quyết định	Số 38/2018/QĐ-UBND ngày 30/11/2018	Sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Thay thế	Nội dung của hai Quyết định chủ yếu cụ thể hoá quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ và Thông tư số 01/2011/TT-BTTTT ngày 04/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Kiến nghị (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ)	Nội dung kiến nghị/Lý do kiến nghị	Cơ quan/ đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tình hình xây dựng
					Truyền thông về việc công bố danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, hai văn bản này đã hết hiệu lực. Do vậy, việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND là cần thiết.		
75	Quyết định	Số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	Ban hành Quy định sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	Căn cứ ban hành văn bản hết hiệu lực. Việc quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ đã được quy định cụ thể tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019.	Theo phân cộng của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024
76	Chi thị	Số 19/2013/CT-UBND ngày 30/10/2013	Về việc chấn chỉnh và đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Bãi bỏ	- Theo quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chỉ thị không phải văn bản quy phạm pháp luật. - Nội dung Chỉ thị không còn phù hợp với tình hình thực tiễn.	Theo phân cộng của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2024